

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 13/9/2024.  
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lại Hồng Duy.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Quang Châu và ông Hồ Quang Hiền.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hải Thương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thủy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2024/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2024, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông K, sinh năm 1973, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: T, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Bà T, sinh năm 1979, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: T, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn xin ly hôn, trong quá trình giải quyết vụ án ông K trình bày:

Về hôn nhân: Ông K và bà T tự nguyện sống chung vào năm 1999, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2019, ông K và bà T đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân T, huyện K, tỉnh Đắk Nông vào ngày 02/4/2019 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc.

Mẫu thuẫn dẫn đến xin ly hôn: Ông K và bà T phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, mâu thuẫn trong lối sống, khác biệt trong sinh hoạt, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xung đột trong gia đình, vợ chồng không còn thương yêu, không quý trọng nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, chỉ biết bần phận của

riêng mình, bỏ mặc nhau. Mặc dù đã hai vợ chồng chủ động hoà giải và hàn gắn nhưng vẫn không thể hòa giải được và không có tiếng nói chung. Ông K và bà T đã sống ly thân từ tháng 04/2023 cho đến nay, hai người sống hai nơi khác nhau và không còn liên lạc với nhau.

Về con chung: Có 03 con chung, cháu A– sinh ngày 30/6/2000, cháu D – sinh ngày 27/5/2006, cháu H– sinh ngày 27/5/2006, cả 03 cháu hiện đang ở với ông K. Các cháu đã trên 18 tuổi và tự lo được cuộc sống riêng. Trong đơn khởi kiện, ông K có yêu cầu giải quyết về việc nuôi cháu D, cháu H, khi làm đơn xin ly hôn thì các cháu đang dưới 18 tuổi. Nhưng tại phiên tòa thì các cháu đã trên 18 tuổi, chuẩn bị đi khám nghĩa vụ quân sự tại huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

Về tài sản chung có nhà và đất, tài sản riêng và công nợ không có.

Nay ông K xin ly hôn với bà T. Con chung đã trên 18 tuổi và tự lo được cuộc sống riêng nên không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung có nhưng không yêu cầu giải. Tài sản riêng và công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn bà T: Qua xác minh tại, bà T có đăng ký thường trú tại T, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình giả quyết, bà T có gửi đơn xin xét xử vắng mặt có chứng thực chữ ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ vào ngày 03/6/2024, nội dung đơn xin xét xử vắng mặt: *“Do tôi và anh K không thể tiếp tục chung sống nên tôi đồng ý ly hôn. Tôi và anh K có 03 con chung nhưng đã đủ tuổi trưởng thành, vì vậy, tôi không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung, nợ chung tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc xin giải quyết vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc”*. Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng trong vụ án đối với bà T tại địa chỉ nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án xác định người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ quy định của pháp luật. Bị đơn bà T vắng mặt trong các lần Tòa án triệu tập, nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn xin ly hôn và cho ông K ly hôn với bà T (chấm dứt hôn nhân). Các con đã trên 18 tuổi và tự lo được cuộc sống riêng nên không giải quyết. Tài sản chung có nhưng không yêu cầu giải quyết. Tài sản riêng và công nợ không có nên không yêu cầu giải quyết. Buộc ông K chịu án phí 300.000 đồng, tiền án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn ông K và bà T. Bị đơn T có đăng ký thường trú tại T, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô thụ lý là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Qua xác minh, bà T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại T, thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà T đã gửi đơn xin xét xử vắng mặt. Toà án tiến hành niêm yết văn bản tố tụng trong vụ án đối với bà T.

Bị đơn bà T nêu rõ quan điểm về giải quyết vụ án trong đơn xin xét xử vắng mặt: “Do tôi và anh K không thể tiếp tục chung sống nên tôi đồng ý ly hôn. Tôi và anh K có 03 con chung nhưng đã đủ tuổi trưởng thành, vì vậy, tôi không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung, nợ chung tôi không yêu cầu Toà án giải quyết. Việc xin giải quyết vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc”. Ngày 11/9/2024, ông K có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp.

[3] Về hôn nhân: Ông K và bà T tự nguyện sống chung vào năm 1999, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2019, ông K và bà T đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện K, tỉnh Đắk Nông vào ngày 02/4/2019, và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ép buộc. Do đó, hôn nhân giữa ông K và bà T là hợp pháp.

[4] Mâu thuẫn dẫn đến ly hôn: Ông K và bà T phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, trong lối sống và trong sinh hoạt, hai vợ chồng có cách nghĩ, quan điểm sống trái ngược nhau, không có tiếng nói chung. Giữa ông K và bà T thường xuyên cãi nhau, xung đột, cuộc sống trong gia đình luôn luôn căng thẳng, không còn thương yêu, không quý trọng nhau, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, chỉ biết bản thân của riêng mình, bỏ mặc nhau. Ông K và bà T đã sống ly thân từ tháng 4/2023 cho đến nay, sống hai nơi khác nhau và không còn liên lạc với nhau.

Như vậy, mâu thuẫn giữa ông K và bà T đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn thương yêu, không quan tâm, hạnh phúc gia đình không có. Do đó, để giải phóng cho hôn nhân không còn mục đích, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn và cho nguyên đơn ông K được ly hôn với bà T.

[5] Con chung: Ông K và bà T có 03 con chung, cháu cháu A– sinh ngày 30/6/2000, cháu D – sinh ngày 27/5/2006, cháu H– sinh ngày 27/5/2006, cả 03 cháu hiện đang ở với ông K. Các cháu đã trên 18 tuổi và tự lo được cuộc sống riêng. Trong đơn khởi kiện, ông K có yêu cầu giải quyết về việc nuôi cháu D, cháu H, khi làm đơn xin ly hôn thì các cháu đang dưới 18 tuổi. Nhưng tại phiên toà ngày hôm nay thì các cháu đã trên 18 tuổi, chuẩn bị đi khám nghĩa vụ quân sự tại huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, đương sự không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Tài sản chung có nhưng không yêu cầu giải quyết. Tài sản riêng và công nợ không yêu cầu giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông K phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên.*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 94; Điều 144; Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của nguyên đơn ông K đối với bị đơn bà T.

2. Về hôn nhân: Ông K ly hôn với bị đơn T (chấm dứt hôn nhân).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông K phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008090 ngày 31/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- UBND thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lại Hồng Duy**